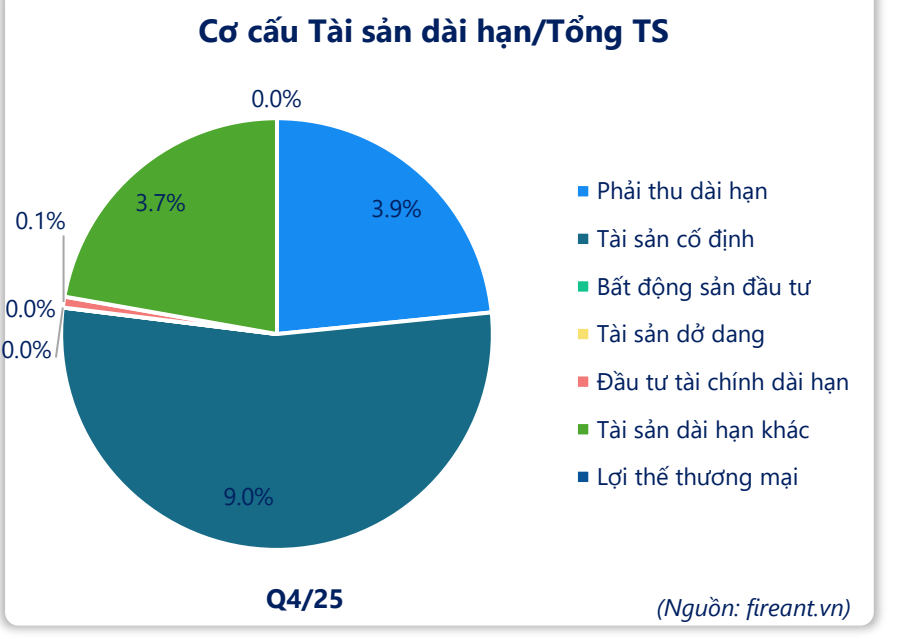
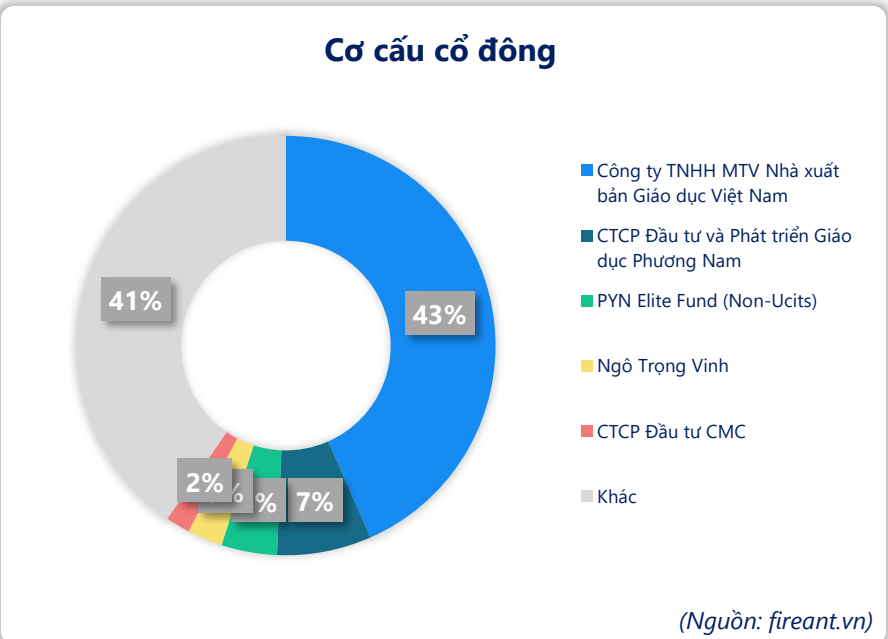
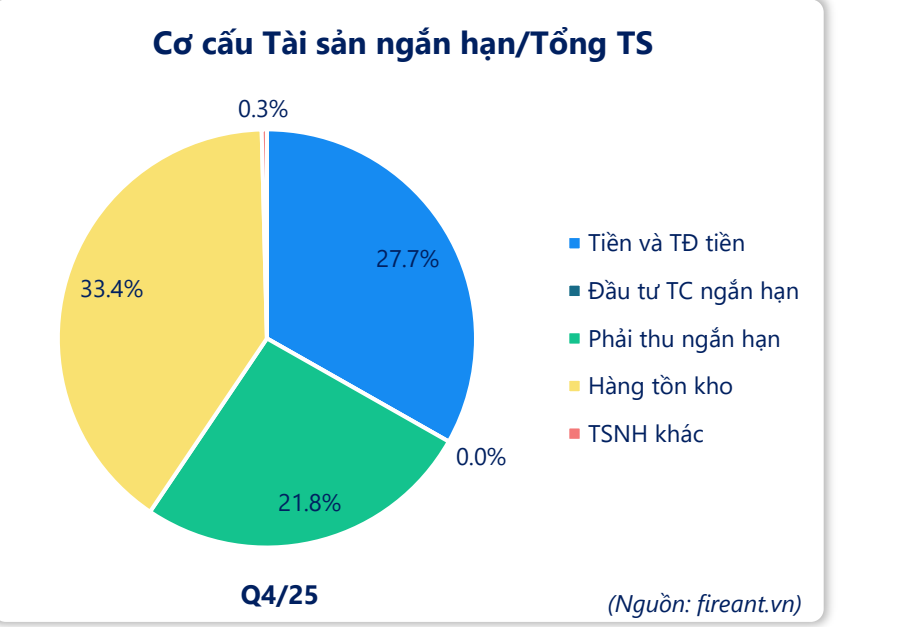
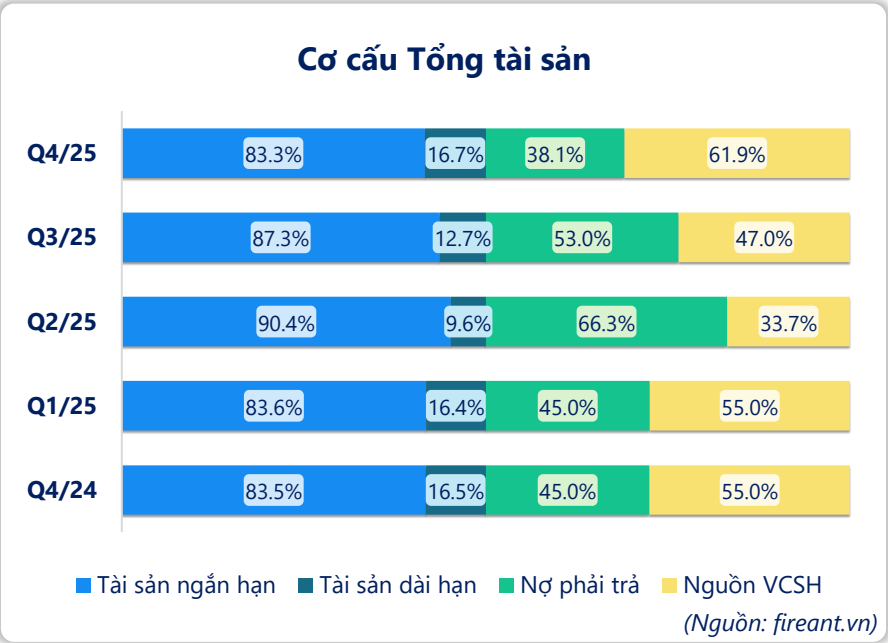
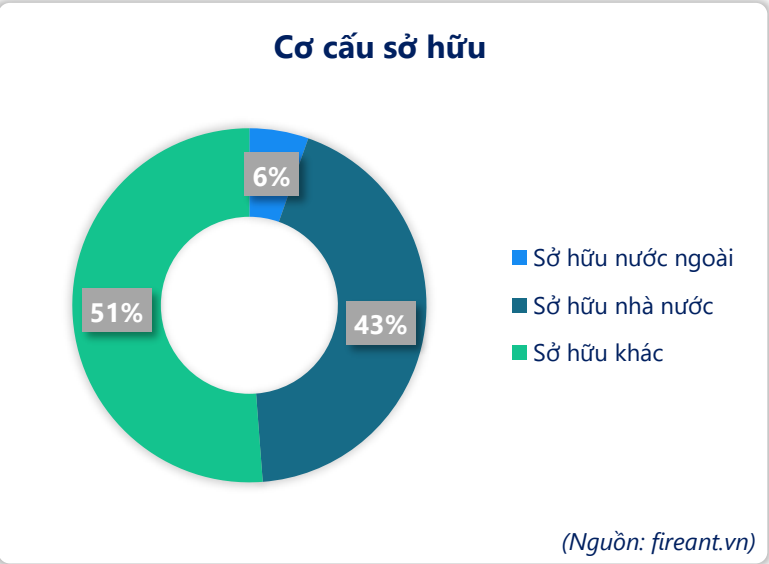
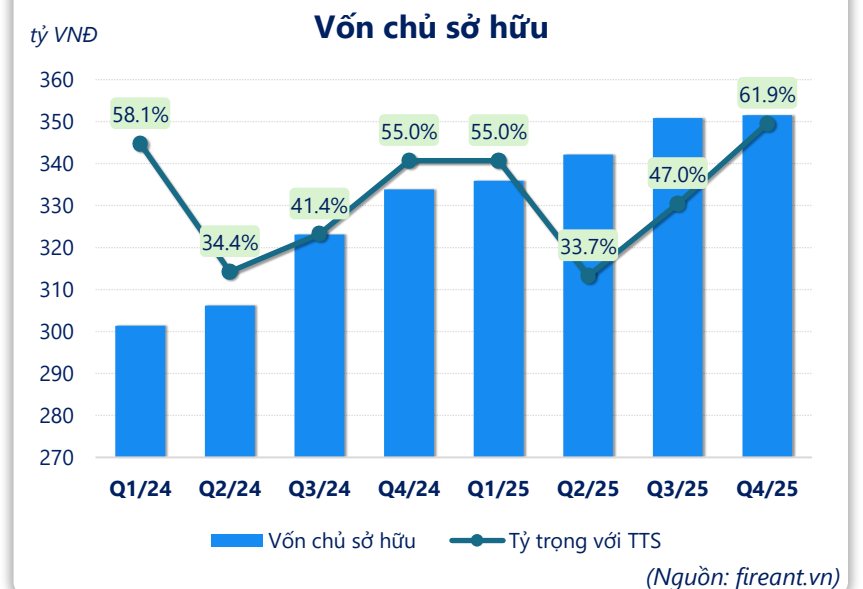
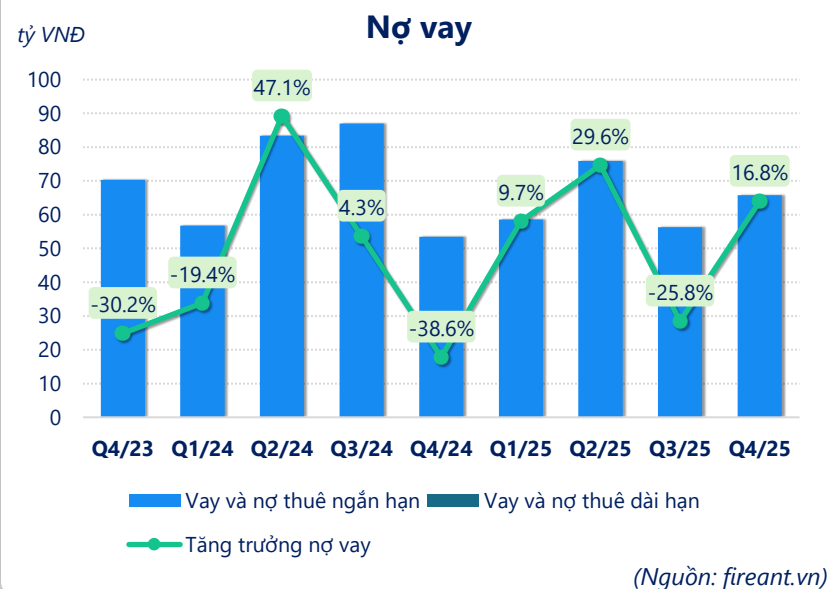
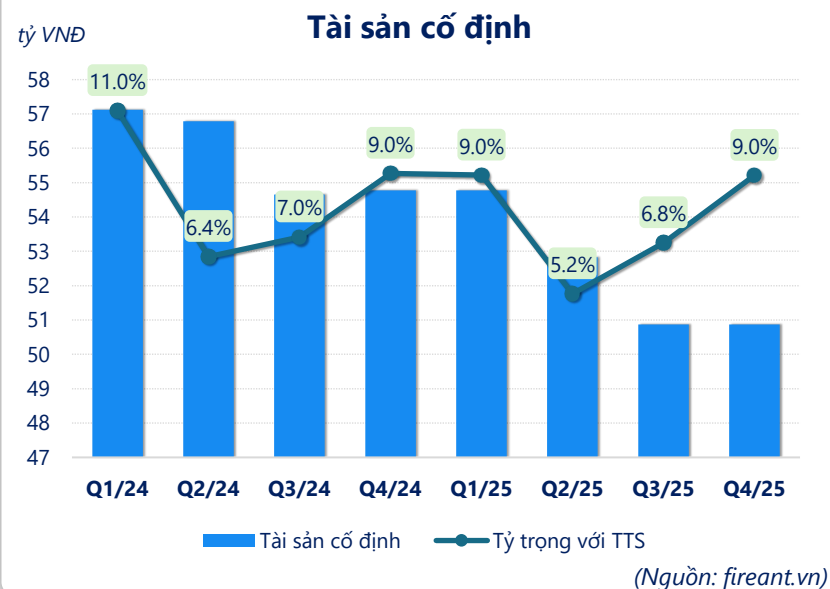
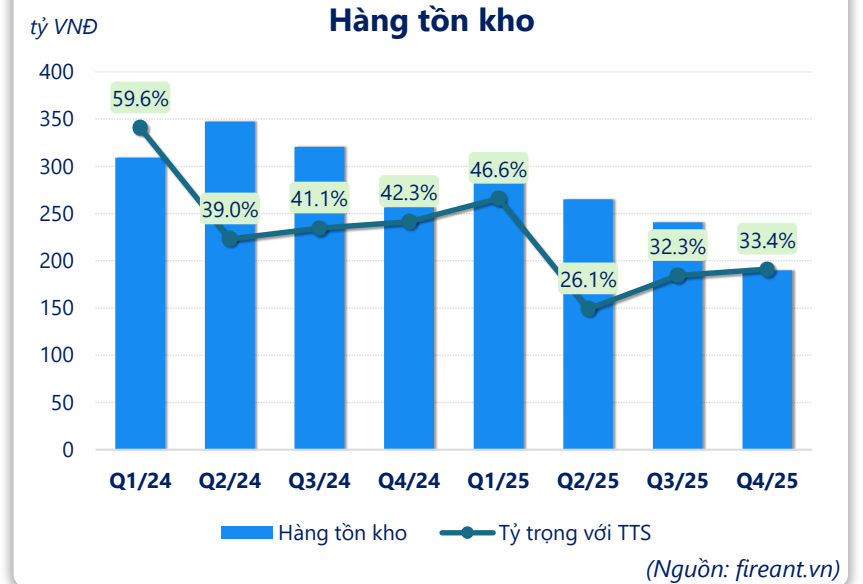
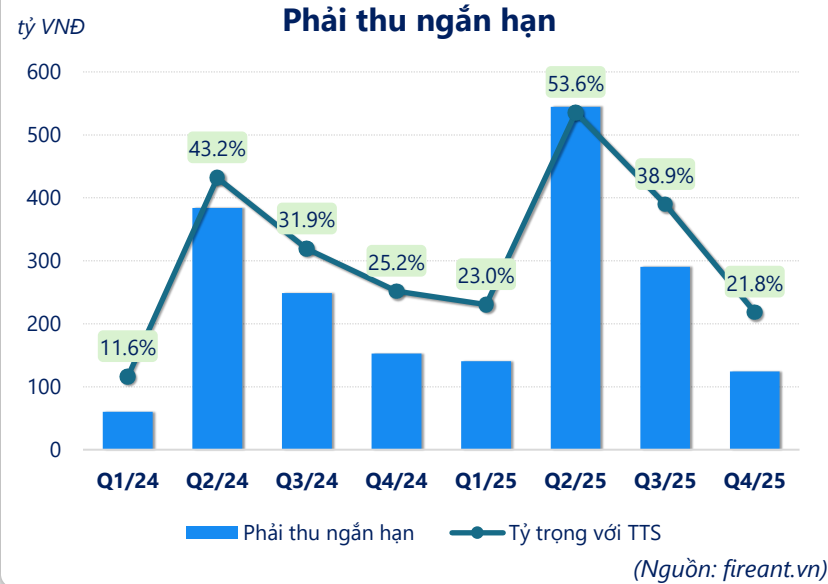
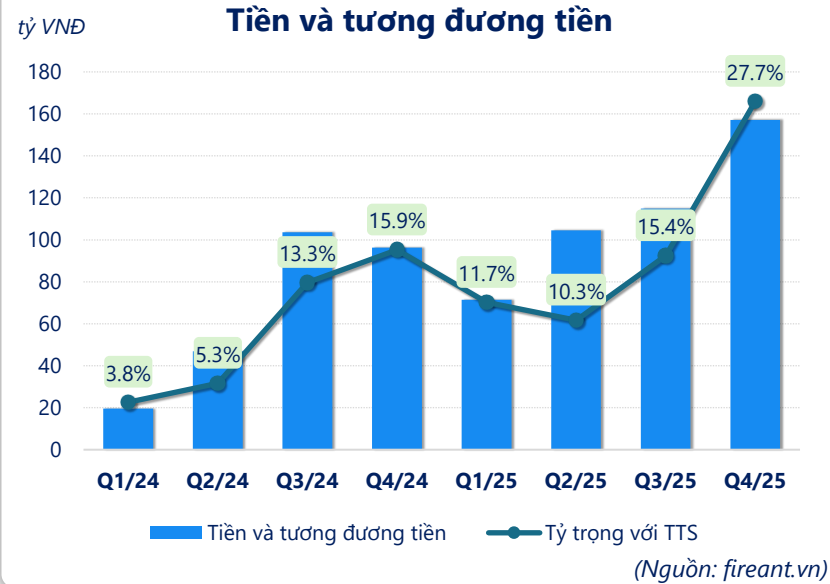
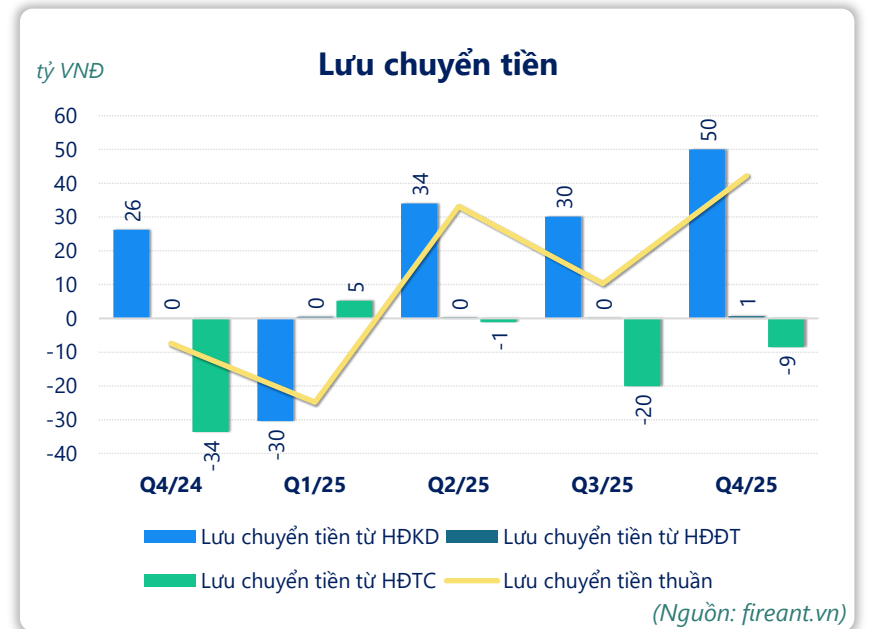
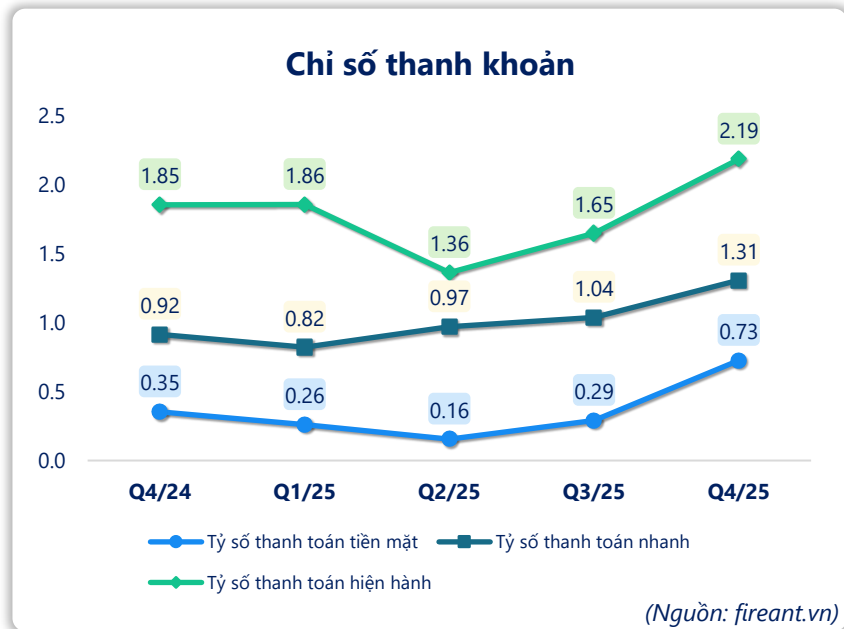
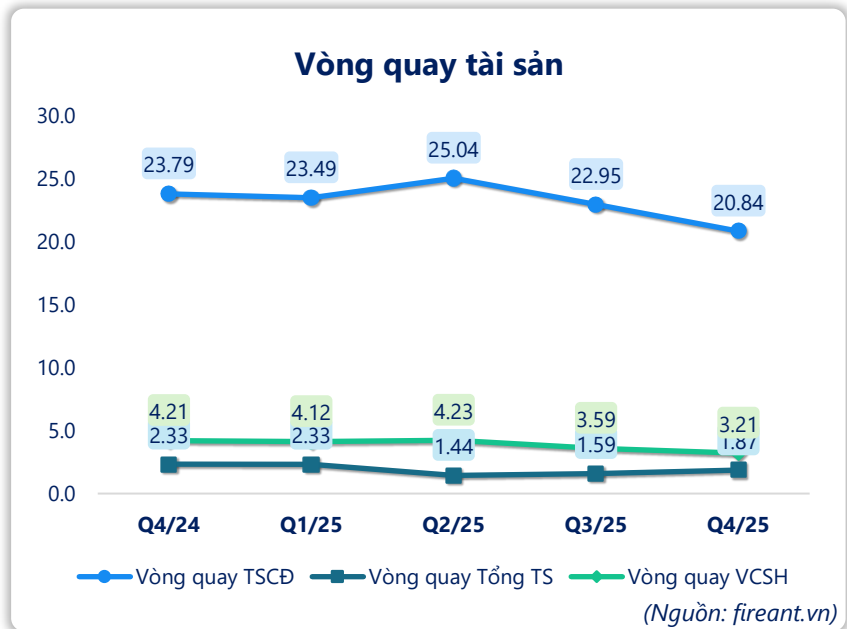
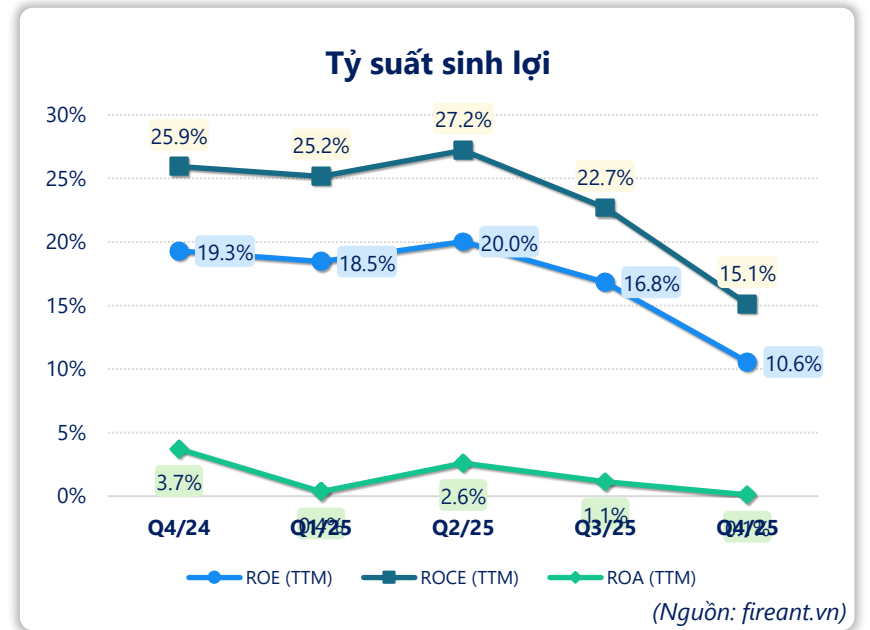
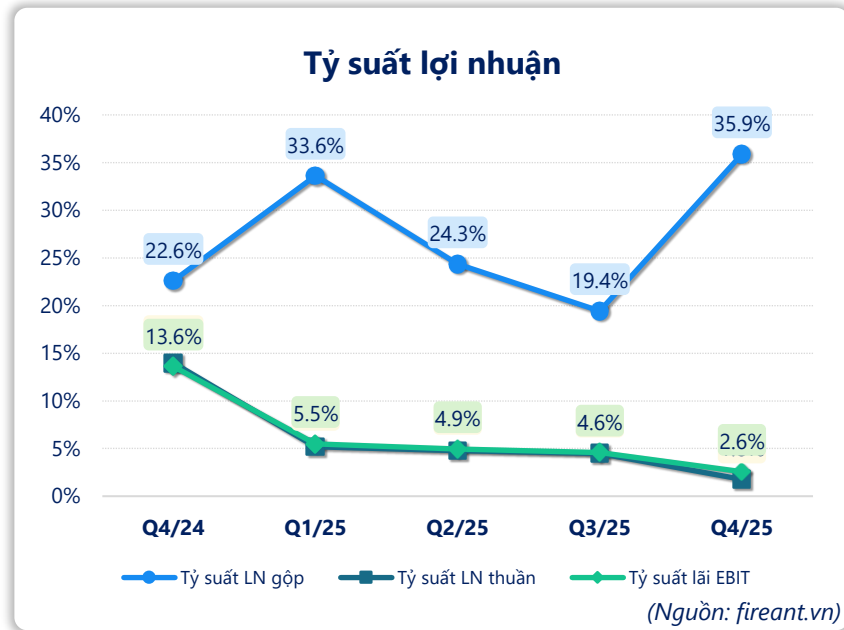
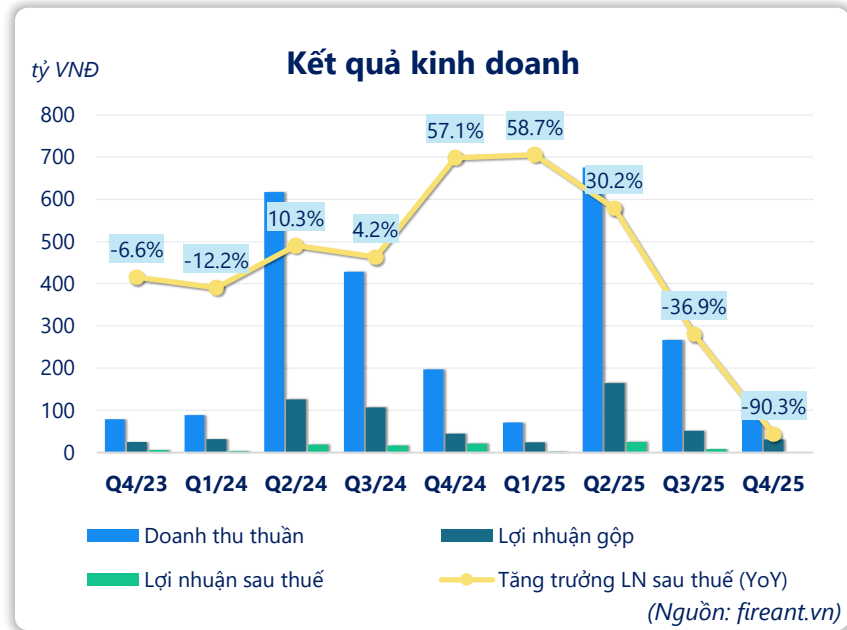


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,400
SL cổ phiếu LH		9,271,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,295
% sở hữu nước ngoài		5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		184
P/E		5.1
EPS		3,905

	YTD	1T	3T	6T
SED	-1.9%	-2.5%	-19.2%	-18.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	568	607	-6.4%
Tài sản ngắn hạn	473	507	-6.6%
Tiền và tương đương tiền	157	96.2	63.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	124	153	-18.7%
Hàng tồn kho	190	257	-26.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.90	1.16	64.7%
Tài sản dài hạn	95.0	100	-5.4%
Phải thu dài hạn	22.2	22.2	0.0%
Tài sản cố định	50.9	54.8	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.77	0.77	0.0%
Tài sản dài hạn khác	21.1	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	216	273	-20.7%
Nợ ngắn hạn	216	273	-20.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	65.7	53.4	23.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	56.4	43.1	31.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	352	334	5.3%
Vốn chủ sở hữu	352	334	5.3%
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	197	71.3	675	267	87.0
Giá vốn hàng bán	153	47.3	511	215	55.8
Lợi nhuận gộp	44.6	24.0	164	51.9	31.2
Doanh thu HĐTC	4.29	0.44	0.43	0.38	1.48
Chi phí TC	-0.85	0.21	1.56	0.64	1.33
Chi phí lãi vay	-0.67	0.21	1.24	0.64	0.96
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-6.27	13.3	103	27.1	25.7
Chi phí QLDN	28.4	7.18	27.6	12.5	4.19
LN thuần từ HĐKD	27.6	3.70	32.2	12.0	1.54
Lợi nhuận khác	-0.05	0	-0.01	-0.35	-0.26
LN trước thuế	27.5	3.70	32.2	11.6	1.28
Lợi nhuận sau thuế	21.2	2.03	24.8	8.69	0.66
LNST của CĐ cty mẹ	21.2	2.03	24.8	8.69	0.66

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.2	-30.4	34.0	30.2	50.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	0.44	0.29	0.22	0.70
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-33.6	5.17	-1.18	-20.1	-8.56
Tiền đầu kỳ	104	96.2	71.4	105	115
Lưu chuyển tiền thuần	-7.37	-24.8	33.2	10.3	42.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	96.2	71.4	105	115	157

(Nguồn: fireant.vn)